TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 176/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Nghị.

2. Ông Nguyễn Thanh Nhã.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trương Lưu Thị Kim C**, sinh năm: 1993;
Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1992; địa chỉ: số C ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre

Chị C, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2023, văn bản trình bày ý kiến ngày 16/5/2023 nguyên đơn chị Trương Lưu Thị Kim C trình bày:

Chị C và anh H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2016. Sau khi kết hôn, chị C và anh H sống hạnh phúc được 04 năm. Đến năm 2020 anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, anh H có mối quan hệ với người phụ nữ khác, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị C nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H. Chị C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị C và anh H có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Á Tuyết sinh ngày 06/01/2018, hiện người con chung đang sống với chị C. Khi ly hôn chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị C không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho cháu T.

Về tài sản chung: chị C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị C trình bày không có.

Ngày 16/5/2023, chị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại biên bản làm việc ngày 09/5/2023 của Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh H đã nhận thông báo thụ lý vụ án số 232/TB-TLVA ngày 14/4/2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cũng như anh H đã nhận toàn bộ hồ sơ khởi kiện của chị C (bản photo, do Tòa án giao). Đối với thông báo thụ lý vụ án thì anh H không ý kiến.

Về hôn nhân: anh Hòa đồng ý ly hôn với chị C, anh H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị là do vợ chồng xa cách nhau làm cho tình cảm phai nhạt, vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Hiện nay anh H đang bị tạm giam từ ngày 19/01/2022 trong vụ án khác nên cũng không còn cơ hội hàn gắn lại với chị C nên anh đồng ý ly hôn với chị C để giải thoát cho cả hai.

Về con chung: anh H và chị C có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Á Tuyết sinh ngày 06/01/2018, hiện người con chung đang sống với chị C. Khi ly hôn anh Hòa đồng ý để chị C được tiếp tục nuôi con chung, anh H không cấp dưỡng cho cháu T.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Đồng thời, anh H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh, anh H không khiếu nại hay thắc mắc gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Lưu Thị Kim C, anh Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị C, anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị C và anh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2016. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị C cho rằng sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống anh chị thường cãi nhau, hiện anh chị đã sống sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị C xác định đã không còn tình cảm với anh H nên xin được ly hôn với anh H. Điều này cũng phù hợp biên bản làm việc ngày 09/5/2023 của Tòa án đối với anh H. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...". Đối chiếu với quy định trên thì giữa chị C và anh H đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn. Hơn nữa, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị C vì cho rằng hôn nhân của anh chị là không thể hàn gắn lại được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc chị C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: Chị C và anh H có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Á Tuyết sinh ngày 06/01/2018, hiện người con chung đang sống với chị C. Khi ly hôn chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho cháu T. Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản làm việc ngày 09/5/2023 của Tòa án đối với anh H thì anh Hòa đồng ý để chị C tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Ánh T1 do hiện nay anh H đang bị tạm giam trong vụ án khác, anh H không cấp dưỡng nuôi con. Điều này cũng phù hợp biên bản làm việc ngà y 15/5/2022 của Tòa án về tình trạng hôn nhân của chị C và anh H thể hiện cháu T1 đang sống cùng với chị C, chị C chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 tốt đảm bảo cuộc sống của cháu T1 về điều kiện vật chất tinh thần. Do đó, việc chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: chị C và anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị C và anh H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Lưu Thị Kim C đối với anh Nguyễn Văn H. Chị Trương Lưu Thị Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Ghi nhận việc chị C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[2]. Về con chung: Chị C và anh H có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Á Tuyết sinh ngày 06/01/2018, hiện người con chung đang sống với chị C. Khi ly hôn, chị C được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Ánh T1. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: chị C và anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị C và anh H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C phải chịu số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0001714 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Bến Tre. Chị C đã nộp đủ án phí.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Lưu Thị Kim C và anh Nguyễn Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc

bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Nga